

PHỤ LỤC II

MẪU CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo quy trình thực hiện công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và báo cáo UBCKNN)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THIẾT KẾ VIETTEL **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL

Trụ sở chính: Số 1 Giang Văn Minh, P. Kim Mã, Q. Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: +84 04 62660165

Fax: +84 04 62660249

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Văn Chí

Địa chỉ liên lạc : Số 19, Phố Thọ Tháp, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0983 315 476 ; +84 04 62660111

Fax: +84 04 62660249

Loại thông tin công bố: £24h £ 72h £ Yêu cầu £ Bất thường X Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2015.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 05 tháng 02 năm 2016

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Đại tá Lê Văn Chí

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL

-----***-----

Số 1 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội

Website: <http://www.vietteltuvanphietke.com.vn>

Email: kstk@viettel.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Hà Nội, ngày 03 tháng 2 năm 2016



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL
Năm 2015

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0100109106-075**
- Vốn điều lệ: **32.000.000.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **32.000.000.000 đồng**
- Địa chỉ: **Số 1 Giang Văn Minh, P.Kim Mã, Q.Ba Đình, TP Hà Nội**
- Số điện thoại: **04.62660165/ 04.62660167**
- Số fax: **04.62660249**
- Website: **www.vietteltuvanthietke.com.vn**
- Mã cổ phiếu: **VTK**
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty TNHH NMTV Tư vấn Thiết kế Viettel tiền thân là Xí nghiệp Khảo sát Thiết kế thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Viễn thông Quân đội) được thành lập theo Quyết định số: 12/2006/QĐ-BQP ngày 12/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng.

Thực hiện chủ trương đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước của Đảng và Chính phủ, ngày 24/9/2008, Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng đã ký Quyết định số 3008/QĐ-BQP về việc cổ phần hoá Công ty Tư vấn Thiết kế Viettel thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội, đồng thời ra quyết định số 3345/QĐ-BQP ngày 20/10/2008 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty Tư vấn Thiết kế Viettel thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân Đội.

Ngày 28/10/2008, Ban chỉ đạo cổ phần hoá đã ký quyết định số 1257/QĐ-BCĐ về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty Tư vấn Thiết kế Viettel thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội.

Sau một thời gian khẩn trương triển khai công tác xác định giá trị doanh nghiệp, ngày 06/7/2009, Bộ Quốc Phòng đã ký quyết định số 2133/QĐ-BQP phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH NMTV. Trên cơ sở giá trị doanh nghiệp được phê duyệt, Ban chỉ đạo CPH đã chỉ đạo Công ty hoàn thiện phương án kinh doanh, phương án CPH, xác định vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ cho Công ty cổ phần.

Ngày 30/01/2010, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel được tổ chức thành công, với số vốn điều lệ là: 16.000.000.000 đồng. Cơ cấu

vốn: Tập đoàn Viễn thông Quân đội, là doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 1.088.000 cổ phần, tương ứng 10.880.000.000 đồng, chiếm 68%, còn lại là các cổ đông thiểu số.

Và Công ty đã có giấy phép đăng ký kinh doanh số 0100109106-075 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/03/2010

Ngày 22/04/2015, tại ĐHCĐ nhiệm kỳ 2015-2020 của Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel đã thông qua Nghị quyết số 31/NQĐH-VTK về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ 100% (tương đương tăng 16 tỷ đồng).

Ngày 22/07/2015, Ủy ban chứng khoán đã có công văn chấp thuận về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty đã tiến hành làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Và đã được Sở kế hoạch & đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05, mã số doanh nghiệp 0100109106-075 vào ngày 15/10/2015 với số cổ phần 3.200.000, tương đương vốn điều lệ : 32.000.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ đồng).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

➤ Ngành nghề kinh doanh:

-Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết

+ Thiết kế công trình thông tin, bưu chính viễn thông;

+ Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;

+ Thiết kế kiến trúc công trình;

+ Thiết kế công trình đường bộ;

+ Giám sát thi công xây dựng công trình : lắp đặt thiết bị, công nghệ mạng thông tin bưu chính viễn thông;

+ Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;

+ Khảo sát, đo đạc địa hình lập bản đồ công trình tỷ lệ $\leq 1/2000$;

+ Khảo sát xây dựng, khoan phục xử lý nền móng công trình xây dựng;

+ Khảo sát địa chất công trình;

+ Thẩm tra dự án đầu tư, thiết kế và dự toán xây dựng công trình (trong lĩnh vực Công ty có chứng chỉ);

+ Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV;

+ Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV;

+ Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, đường bộ;

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Chi tiết

+ Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;

-Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết :

+ Lập dự án đầu tư xây dựng công trình;

- + Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- + Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu;
- + Thí nghiệm việc kiểm tra, đánh giá các đặc trưng kỹ thuật của đất xây dựng, vật liệu, kết cấu, cấu kiện sử dụng trong các công trình xây dựng;
- + Dịch vụ chuyên giao công nghệ;

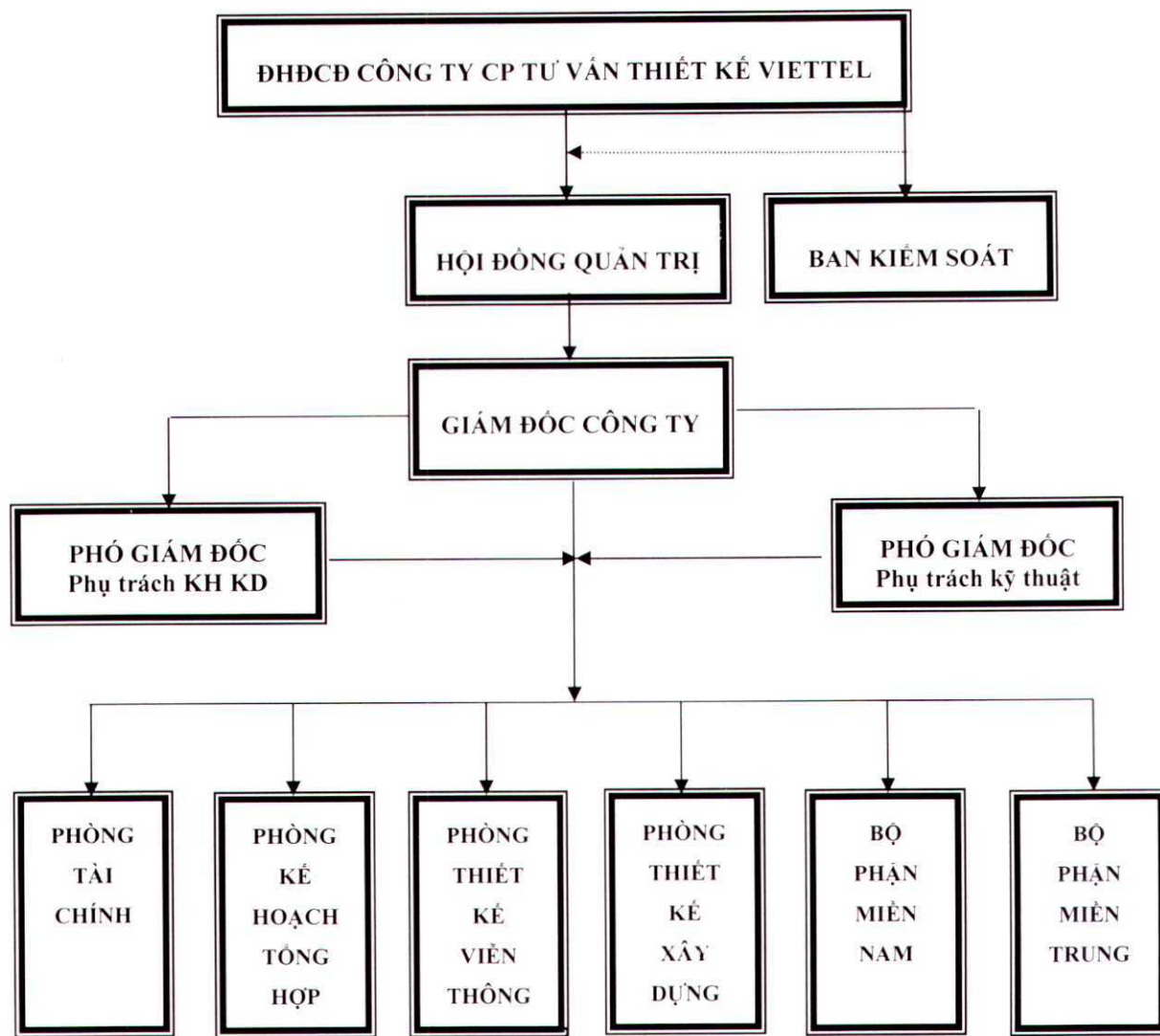
-Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Chi tiết :

- + Kinh doanh bất động sản;
- + Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Địa bàn kinh doanh:

Chủ yếu là thị trường trong nước và một số nước do Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội đã và đang xúc tiến đầu tư mạng viễn thông như: Peru, Mozambique, Haiti, Đông Timo,...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý (theo sơ đồ):



➤ Công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển:

➤ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

- Xây dựng Bộ máy lãnh đạo, quản lý, mô hình tổ chức vững mạnh, nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ năm 2016 và những năm tiếp theo.

- Tổ chức tốt nguồn lực triển khai các lĩnh vực tư vấn dự án: Tư vấn thiết kế công trình dân dụng và CN, tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông.

- Đẩy mạnh công tác kinh doanh, tìm kiếm - thực hiện các công trình bên ngoài Tập Đoàn, tăng dần tỷ trọng doanh thu kinh tế .

- Kế hoạch doanh thu năm 2016 đạt: 83,5 tỷ đồng.

➤ Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

- Xây dựng Công ty từng bước theo tiêu chí trở thành Công ty “Nghề” trong lĩnh vực Tư vấn thiết kế hệ thống Viễn thông, Công nghệ thông tin, Xây dựng dân dụng & có nguồn nhân lực đáp ứng lâu dài sản xuất kinh doanh.

- Trở thành Công ty có nhiều đổi mới trong Tư vấn đầu tư xây dựng, dịch chuyển khảo sát thiết kế truyền thống sang cung cấp giải pháp mới, mang lại giá trị cho khách hàng.

- Phát triển bền vững trên thế mạnh ngành nghề cốt lõi Tư vấn thiết kế hạ tầng viễn thông. Mở rộng ngành nghề về Tư vấn thiết kế hệ thống và Công nghệ thông tin, đẩy mạnh Tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

➤ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty :

- Không thực hiện các hoạt động gây ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng.

- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện để góp phần đưa hình ảnh thân thiện của Công ty đến với mọi người.

5. Các rủi ro:

- Thị trường viễn thông trong nước đang dần bị bão hòa nên sự đầu tư cơ sở hạ tầng viễn thông sẽ giảm, dẫn đến khối lượng công việc tư vấn thiết kế viễn thông cũng sẽ giảm dần.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

○ Doanh thu cả năm đạt: 72,73 tỷ tăng 16,72 % so với năm 2014

○ Lợi nhuận trước thuế đạt: 19,61 tỷ tăng 19,21 % so với năm 2014

○ Lợi nhuận sau thuế đạt: 15,27 tỷ tăng 19,25 % so với năm 2014

○ Không phát sinh các khoản công nợ khó đòi, tình hình tài chính lành mạnh.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2015:

○ Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ thực hiện năm 2015 đạt 100,5% kế hoạch

○ Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2015 đạt 19,61 tỷ đồng tăng 7,14 % so kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự :

a. Danh sách Ban điều hành :

1/ Ông Lê Văn Chí - Chức vụ: Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1963

Số CMND: 85063230 do Tổng cục Chính trị/BQP cấp ngày 15/10/2013

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10,497% (trong đó 10% đại diện cho Tập đoàn Viễn thông Quân đội - tương ứng với 320.000 cổ phần); 0,497% do bản thân sở hữu (tương ứng với 15.894 cổ phần)

2/ Ông Võ Minh Đường - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty (miễn nhiệm ngày 03/08/2015)

Sinh năm: 1971

Số CMND: 011482616 do Công an Hà Nội cấp ngày 04/11/2005

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,075% (do bản thân sở hữu tương ứng với 2.400 cổ phần)

3/ Ông Vũ Tiến Duy - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 03/08/2015)

Sinh năm: 1977

Số CMND: 012989690 do Công an Hà Nội cấp ngày 03/01/2007

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0% (do bản thân sở hữu 0 cổ phần)

4/ Ông Nguyễn Đăng Hùng - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty

Sinh năm: 1979

Số CMND: 011953637 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 4/5/2006

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,353% (do bản thân sở hữu tương ứng với 11.294 cổ phần)

5/ Bà Nguyễn Thị Tú Quyên - Chức vụ: Kế toán trưởng

Sinh năm: 1967

Số CMND: 012299095 do Công an Hà Nội cấp ngày 16/11/2010

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,792% (do bản thân sở hữu 25.348 cổ phần)

Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Ông Võ Minh Đường đã được miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty từ ngày 03/08/2015

- Ông Vũ Tiến Duy được giao nhiệm vụ Phó Giám đốc Công ty từ ngày 03/08/2015.

b. Cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 76 người.

- Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các Quy định của Nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm; thực hiện theo đúng thỏa ước lao động đã ký giữa người sử dụng lao động và tập thể người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	69.578.257.271	82.646.079.121	+18,78%
Doanh thu thuần	60.811.105.127	70.458.613.813	+15,86%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.463.956.008	19.612.576.630	+19,12%
Lợi nhuận khác	(11.862.099)	-	
Lợi nhuận trước thuế	16.452.093.909	19.612.576.630	+19,21%
Lợi nhuận sau thuế	12.808.772.787	15.274.929.771	+19,25%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (dự kiến)	115%	25%	-78,26%

(Nguồn: BCTC năm 2014, 2015 đã được kiểm toán).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	7,65	7,71	
- Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	7,53	7,62	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,12	0,12	
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,13	0,14	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	16,80	53,25	
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,87	0,85	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,21	0,22	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,21	0,21	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,18	0,18	
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,27	0,28	

(Nguồn: BCTC năm 2014, 2015 đã được kiểm toán).

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.200.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000đ/cổ phần
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 3.200.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 31/12/2015 như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông lớn, nhỏ	416	3.200.000	100.00
- Cổ đông lớn	1	2.176.000	68,00
- Cổ đông nhỏ	415	1.024.000	32,00
2. Cổ đông tổ chức, cá nhân	416	3.200.000	100.00
- Tổ chức trong nước	2	2.272.000	71,00
- Cá nhân trong nước	414	928.000	29,00
3. Cổ đông nhà nước, cổ đông khác	416	3.200.000	100.00
- Cổ đông nhà nước	1	2.176.000	68,00
- Cổ đông khác	415	1.024.000	32,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Ngày 22/04/2015, ĐHĐCĐ đã thông qua Nghị quyết số 31/NQĐH-VTK về việc phát hành cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 1 : 1. Qua đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 16 tỷ đồng lên 32 tỷ đồng (tương đương số cổ phần tăng từ 1,6 triệu cổ phần lên 3,2 triệu cổ phiếu). Việc tăng vốn được hoàn tất và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có công văn chấp thuận vào ngày 22 tháng 07 năm 2015. Chi tiết thay đổi về cổ phần như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VNĐ)
Trước khi phát hành cổ phiếu thưởng	1.600.000	16.000.000.000
Cổ phiếu thưởng	1.600.000	16.000.000.000
Sau khi phát hành cổ phiếu thưởng	3.200.000	32.000.000.000

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm là : 4.388.753.091 đồng (Theo BCTC 2015 đã được kiểm toán)

- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức : không có

6.2 Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp : 273.415.696 đồng

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả : không có

- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : không có

6.3 Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng : 26.535.465 đồng
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : không có

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : không có

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

-Số lượng lao động trung bình trong năm là : 75 người
-Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động : Tổ chức khám sức khỏe cho toàn bộ CBCN viên trong Công ty với số tiền là : 160 triệu đồng.

- Hoạt động đào tạo người lao động :

+ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên : Hàng tháng, các phòng trong Công ty đều tổ chức hội thảo để học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn cho từng nhân viên trong phòng.

+ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp : Công ty tổ chức các lớp đào tạo tiếng Anh cho CBCN viên Công ty để nâng cao trình độ ngoại ngữ, đáp ứng được công việc lâu dài trong công cuộc hội nhập.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng : Tham gia các hoạt động tài trợ, tri ân trên địa bàn đơn vị đóng quân.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2015 khi nền kinh tế trong nước & trên toàn thế giới vẫn trong giai đoạn khó khăn, lạm phát tăng cao và sự bão hòa của mạng lưới viễn thông trong nước... Nhưng, năm 2015 với Công ty lại được đánh giá là năm thắng lợi với việc tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2015-2020, Đại hội đã lựa chọn và sáng suốt bầu ra Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là những người hiểu biết, giỏi chuyên môn, tâm huyết với đơn vị để lãnh đạo Công ty chặn đứng đà suy giảm doanh thu và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận mà kế hoạch đã đề ra.

Bên cạnh sự cố gắng nỗ lực của Hội đồng Quản trị, của Ban Giám đốc & sự giám sát chặt chẽ, sát sao của Ban kiểm soát, thì sự đoàn kết, không ngừng học tập, sáng tạo,

nắm bắt nhanh công nghệ mới, chủ động trong công việc của đội ngũ CBCNV Công ty đã góp phần tạo nên những bứt phá để hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ được giao, đảm bảo thu nhập của người lao động ổn định ở mức cao, cổ tức dự kiến 25 %.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy hành chính của công ty gọn nhẹ, công ty tăng cường các biện pháp quản lý: tối ưu tiết kiệm chi phí, quản lý chặt chẽ và tăng hiệu quả sử dụng vốn, tài sản mang lại hiệu quả cao.
- Công ty đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, quý, tháng & từng tuần. Triển khai thực hiện kế hoạch đã đề ra, thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh linh hoạt kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Công tác giao ban, hội ý, giao việc được tổ chức định kỳ, thường xuyên, kịp thời, phân công trách nhiệm cụ thể, đôn đốc sát sao để công việc được hoàn thành theo đúng tiến độ và đạt được hiệu quả cao.
- Công ty thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong công việc, hàng tháng tổ chức các lớp học (cử các cán bộ có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao để truyền đạt, hướng dẫn cho các đồng chí mới, kinh nghiệm còn hạn chế). Tổ chức lớp học tiếng Anh cho toàn thể CBCNV để nâng cao trình độ ngoại ngữ đáp ứng được yêu cầu công việc lâu dài.
- Năm 2015 Công ty tiếp tục rà soát, điều chỉnh & áp dụng định mức lao động cho phù hợp với đặc điểm tình hình, đặc thù công việc nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất lao động, tăng lợi nhuận tối đa, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức, đời sống người lao động được nâng lên.
- Các biện pháp kiểm soát: Công ty gắn trách nhiệm trực tiếp tới các phòng ban, các cá nhân về tính hiệu quả, quản lý chặt chẽ chi phí, các khoản công nợ phải thu, phải trả, tăng khả năng quay vòng vốn,...

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2014	Ghi chú
1. Tài sản ngắn hạn	76.208.359.379	62.348.745.809	
- Tiền và các khoản tương đương tiền	67.169.134.202	39.826.364.635	
- Các khoản phải thu ngắn hạn	8.186.571.997	21.611.945.847	
- Hàng tồn kho	705.753.180	910.435.327	
- Tài sản ngắn hạn khác	146.900.000	0	
2. Tài sản dài hạn	6.437.719.742	7.229.511.462	
- Tài sản cố định	6.252.810.195	6.587.521.635	
- Tài sản dài hạn khác	184.909.547	641.989.827	
Tổng cộng tài sản :	82.646.079.121	69.578.257.271	
3. Các chỉ tiêu đánh giá :			
- Vòng quay tổng tài sản	0,93	0,91	
- Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	23,73%	23,65%	

(Nguồn: BCTC năm 2014, 2015 đã được kiểm toán).

b) Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2014
I. Nợ ngắn hạn		9.885.210.749	8.155.265.670
1	Phải trả người bán	449.087.987	970.332.373
2	Người mua trả tiền trước	95.573.600	-
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.700.509.854	1.684.297.071
4	Phải trả người lao động	6.051.329.597	3.638.857.668
5	Các khoản phải trả phải nộp khác	1.048.595.105	905.284.193
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	540.114.606	956.494.365
II. Nợ dài hạn		-	-
Tổng cộng Nợ phải trả		9.885.210.749	8.155.265.670

(Nguồn: BCTC năm 2014, 2015 đã được kiểm toán).

Trong năm 2015 Công ty không có các khoản nợ xấu (bao gồm cả nợ phải thu và nợ phải trả), tình hình tài chính năm 2015 được đánh giá là lành mạnh, có hiệu quả.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Tiêu thụ nước, năng lượng của Công ty ở mức thấp. Không gây ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Đảm bảo tốt các chính sách với người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

- Doanh thu cả năm 2015 đạt: 72,73 tỷ tăng 16,72 % so với năm 2014, đạt 100,5% kế hoạch năm 2015

- Lợi nhuận trước thuế đạt: 19,61 tỷ tăng 19,21 % so với năm 2014, tăng 7,14 % so kế hoạch năm 2015

- Lợi nhuận sau thuế đạt: 15,27 tỷ đồng

Năm 2015 Công ty đã thực hiện đúng các lĩnh vực đã đăng ký kinh doanh, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh.

Công ty đã tổ chức thu nộp đầy đủ các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước như: Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN... đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật.

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như chế độ lương, thưởng, đóng BHXH, BHYT, trích nộp KPCĐ đầy đủ, đúng quy định hiện hành.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Ban Giám đốc Công ty đã luôn có sự cố gắng, nỗ lực trong việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và định hướng phát triển của Công ty. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD một cách khoa học, đạt hiệu quả cao, thúc đẩy tăng năng suất và chất lượng lao động. Đảm bảo chế độ lương, thưởng cho người lao động, tạo sự đoàn kết, gắn bó, đồng thuận cao trong nội bộ Công ty từ đó tạo động lực thúc đẩy Công ty tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị Công ty hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông của Công ty, do vậy để hoạt động của HĐQT ngày càng có hiệu quả các thành viên trong Hội đồng quản trị sẽ cố gắng nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc mình được giao;
- HĐQT sẽ tiếp tục bám sát chiến lược, định hướng phát triển của Công ty đề ra các quyết sách đúng đắn mang lại hiệu quả cao cho hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2016 và những năm tiếp theo;
- Cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong Công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp;
- Tiếp tục giám sát, điều hành hoạt động của Ban Giám đốc Công ty để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty và sử dụng có hiệu quả từng đồng vốn của các cổ đông Công ty.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	TLSHCP biểu quyết	Chức vụ tại Công ty khác	Ghi chú
Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	51,097%	- PTGD Tập đoàn Viễn thông Quân đội - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công trình Viettel	
Lê Văn Chí	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	10,497%		
Trương Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	7,000%	- Phó Phòng TC Tập đoàn Viễn thông Quân đội - Trưởng BKS TCT CP Đầu tư Quốc tế Viettel - Thành viên BKS Công ty CP Công trình Viettel	Được bầu làm TV HĐQT ngày 22/04/2015

Họ và tên	Chức vụ	TLSHCP biểu quyết	Chức vụ tại Công ty khác	Ghi chú
Nguyễn Đình Trụ	Thành viên HĐQT	0,000%		Được bầu làm TV HĐQT ngày 22/04/2015
Nguyễn Thị Tú Quyên	Kế toán trưởng - Người được ủy quyền công bố thông tin	0,792%		Được miễn nhiệm TV HĐQT ngày 22/04/2015

b/ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm qua HĐQT đã tiến hành 07 cuộc họp để giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thảo luận những vấn đề quan trọng liên quan đến chiến lược phát triển Công ty và triển khai thực hiện nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. HĐQT luôn chủ động, sâu sát chỉ đạo Ban điều hành Công ty theo dõi mọi hoạt động có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và kinh doanh có hiệu quả.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	28/NQ- HĐQT	6/3/2015	NQ triệu tập cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2015 & đề cử ứng viên tham gia dự bầu HĐQT & BKS nhiệm kỳ 2015-2020
2	01/NQ- HĐQT	10/6/2015	NQ chi trả cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt & trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
3	02/NQ-HĐQT	31/7/2015	NQ về bổ nhiệm và miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập được bầu tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ đáp ứng quy định tại khoản 3, điều 2 Thông tư 121/2012/TT-BTC. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm và có ý kiến đóng góp rõ ràng về các vấn đề đưa ra thảo luận.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Các thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên độc lập không điều hành.

Danh sách Ban Kiểm Soát:

Họ và tên	Chức vụ	TLSHCP biểu quyết	Ghi chú
Ông Nguyễn Minh Hùng	Trưởng BKS	0,000%	Được bầu làm TV BKS ngày 22/04/2015
Bà Đặng Thị Kim Hoa	Thành viên BKS	0,080%	
Ông Mai Xuân Thiều	Thành viên BKS, Nhân viên Công ty	0,031%	
Ông Hoàng Tuấn Linh		0,052%	Được miễn nhiệm TV BKS ngày 22/04/2015

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của Công ty: Giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư.

- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 được tổ chức vào ngày 22/04/2015 đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2015.

Bảng tổng hợp các khoản thưởng, thù lao của Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2015:

STT	Nội dung	Chức vụ	Năm 2015		
			Thù lao	Thưởng/Chi phí khác	Tổng
I	Hội đồng Quản trị :		100.000.000	0	100.000.000
1	Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	0	36.000.000
2	Lê Văn Chí	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
3	Trương Thị Thu Hà	TV HĐQT	16.000.000	0	16.000.000
4	Nguyễn Đình Trụ	TV HĐQT	16.000.000	0	16.000.000
5	Nguyễn Thị Tú Quyên	TV HĐQT đã miễn nhiệm	8.000.000	0	8.000.000
II	Ban Kiểm soát:		48.000.000	0	48.000.000
1	Nguyễn Minh Hùng	Trưởng BKS	16.000.000	0	16.000.000
2	Đặng Thị Kim Hoa	TV BKS	12.000.000	0	12.000.000
3	Mai Xuân Thiều	TV BKS	12.000.000	0	12.000.000
4	Hoàng Tuấn Linh	Trưởng BKS đã miễn nhiệm	8.000.000	0	8.000.000
	Tổng cộng :		148.000.000	0	148.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Mọi hoạt động về quản trị Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC):

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đvt: đồng

TÀI SẢN	Mã số	31/12/2015	01/01/2015
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	76.208.359.379	62.348.745.809
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	67.169.134.202	39.826.364.635
1. Tiền	111	1.169.134.202	1.826.364.635
2. Các khoản tương đương tiền	112	66.000.000.000	38.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	8.186.571.997	21.611.945.847
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7.854.246.440	21.477.864.739
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.720.000	15.720.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	326.605.557	118.361.108
IV. Hàng tồn kho	140	705.753.180	910.435.327
1. Hàng tồn kho	141	705.753.180	910.435.327
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	146.900.000	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	146.900.000	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	6.437.719.742	7.229.511.462
II. Tài sản cố định	220	6.252.810.195	6.587.521.635
1. Tài sản cố định hữu hình	221	2.528.656.795	2.863.368.235
- Nguyên giá	222	4.747.157.547	4.747.157.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(2.218.500.752)	(1.883.789.312)
3. Tài sản cố định vô hình	227	3.724.153.400	3.724.153.400
- Nguyên giá	228	3.724.153.400	3.724.153.400
VI. Tài sản dài hạn khác	260	184.909.547	641.989.827
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	184.909.547	641.989.827
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	82.646.079.121	69.578.257.271
C – NỢ PHẢI TRẢ	300	9.885.210.749	8.155.265.670
I. Nợ ngắn hạn	310	9.885.210.749	8.155.265.670
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	449.087.987	970.332.373
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	95.573.600	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.700.509.854	1.684.297.071
4. Phải trả người lao động	314	6.051.329.597	3.638.857.668
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	1.048.595.105	905.284.193
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	540.114.606	956.494.365
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	72.760.868.372	61.422.991.601
I. Vốn chủ sở hữu	410	72.760.868.372	61.422.991.601
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	32.000.000.000	16.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	32.000.000.000	16.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	25.485.938.601	26.935.713.571
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	15.274.929.771	18.487.278.030
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	-	5.678.505.243
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	15.274.929.771	12.808.772.787
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	82.646.079.121	69.578.257.271

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đvt: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	70.458.613.813	60.811.105.127
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	70.458.613.813	60.811.105.127
4. Giá vốn hàng bán	11	43.029.510.726	37.361.012.283
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	27.429.103.087	23.450.092.844
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.270.451.581	1.499.422.289
7. Chi phí tài chính	22	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.086.978.038	8.485.559.125
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	19.612.576.630	16.463.956.008
11. Thu nhập khác	31	-	-
12. Chi phí khác	32	-	11.862.099
13. Lợi nhuận khác	40	-	(11.862.099)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	19.612.576.630	16.452.093.909
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.337.646.859	3.643.321.122
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	15.274.929.771	12.808.772.787
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.773	4.003

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2015

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	91.756.036.260	67.016.967.286
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(29.078.407.345)	(22.598.823.702)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.454.438.471)	(20.800.977.302)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(4.291.356.907)	(3.871.235.930)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.498.224.461	4.672.986.936
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14.937.995.563)	(12.585.478.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	27.492.062.435	11.833.438.358
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(234.270.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.178.707.132	1.397.241.101
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.178.707.132	1.162.971.101
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.328.000.000)	(2.328.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.328.000.000)	(2.328.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	27.342.769.567	10.668.409.459
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	39.826.364.635	29.157.955.176
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	67.169.134.202	39.826.364.635

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC *Cuy*



Đại tá Lê Văn Chí